

Số: 867 /QĐ-TĐC

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường**

**TỔNG CỤC TRƯỞNG**  
**TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG**

*Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;*

*Căn cứ Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;*

*Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;*

*Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đo lường.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường cho các cá nhân thuộc Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 (địa chỉ trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; ĐT: 024.38360289) có tên trong Phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2024 và thay thế Quyết định số 343/QĐ-TĐC ngày 24 tháng 02 năm 2021.

**Điều 3.** Vụ trưởng Vụ Đo lường, Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 và các kiểm định viên có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *X*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐL.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG**  
**PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Hà Minh Hiệp



**Phụ lục**  
**DANH SÁCH KIỂM ĐỊNH VIÊN ĐO LƯỜNG ĐƯỢC CHỨNG NHẬN, CẤP THẺ**  
**CỦA TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 867/QĐ-TĐC ngày 19 tháng 5 năm 2022*  
*của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)*

| TT | Họ và tên         | Năm sinh | Lĩnh vực kiểm định                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Số hiệu KĐV | Ghi chú |
|----|-------------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------|
| 1. | Trần Thị Thắng Mỹ | 1967     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân bàn.</li> <li>- Cân đĩa.</li> <li>- Cân đồng hồ lò xo.</li> <li>- Cân treo dọc thép lá dề.</li> <li>- Cân phân tích.</li> <li>- Cân kỹ thuật.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 0105        |         |
| 2. | Lê Anh Tuấn       | 1975     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân bàn.</li> <li>- Cân đĩa.</li> <li>- Cân đồng hồ lò xo.</li> <li>- Cân treo dọc thép lá dề.</li> <li>- Cân phân tích.</li> <li>- Cân kỹ thuật.</li> <li>- Cân ô tô.</li> <li>- Cân tàu hỏa động.</li> <li>- Cân băng tải.</li> <li>- Quả cân cấp chính xác đến F<sub>2</sub>.</li> <li>- Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                       | 0106        |         |
| 3. | Nguyễn Tuấn Long  | 1974     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân bàn.</li> <li>- Cân đĩa.</li> <li>- Cân đồng hồ lò xo.</li> <li>- Cân treo dọc thép lá dề.</li> <li>- Cân phân tích.</li> <li>- Cân kỹ thuật.</li> <li>- Cân ô tô.</li> <li>- Quả cân cấp chính xác đến F<sub>1</sub>.</li> <li>- Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới.</li> <li>- Cân tàu hỏa động.</li> <li>- Cân băng tải.</li> <li>- Cột đo xăng dầu.</li> <li>- Phương tiện đo dung tích thông dụng.</li> <li>- Bể đo dòng cố định kiểu trụ đứng.</li> <li>- Bể đo dòng cố định kiểu trụ nằm ngang.</li> <li>- Đồng hồ đo nước lạnh cơ khí.</li> <li>- Đồng hồ đo nước lạnh có cơ cấu điện tử.</li> </ul> | 0107        |         |

8

| TT | Họ và tên       | Năm sinh | Lĩnh vực kiểm định                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Số hiệu KĐV | Ghi chú |
|----|-----------------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------|
| 4. | Nguyễn Văn Tuấn | 1984     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân bàn.</li> <li>- Cân đĩa.</li> <li>- Cân đồng hồ lò xo.</li> <li>- Cân treo dọc thép lá đề.</li> <li>- Cân phân tích.</li> <li>- Cân kỹ thuật.</li> <li>- Cân ô tô.</li> <li>- Cân tàu hỏa tĩnh.</li> <li>- Cân tàu hỏa động.</li> <li>- Cân băng tải.</li> <li>- Quả cân cấp chính xác đến F<sub>1</sub>.</li> </ul> | 0108        |         |
| 5. | Vũ Cảnh Vinh    | 1979     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân bàn.</li> <li>- Cân đĩa.</li> <li>- Cân đồng hồ lò xo.</li> <li>- Cân treo dọc thép lá đề.</li> <li>- Cân phân tích.</li> <li>- Cân kỹ thuật.</li> <li>- Quả cân cấp chính xác đến F<sub>2</sub>.</li> <li>- Cân ô tô.</li> </ul>                                                                                    | 0109        |         |
| 6. | Quách Văn Luân  | 1987     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân bàn.</li> <li>- Cân đĩa.</li> <li>- Cân đồng hồ lò xo.</li> <li>- Cân treo dọc thép lá đề.</li> <li>- Cân phân tích.</li> <li>- Cân kỹ thuật.</li> <li>- Cân ô tô.</li> <li>- Cân tàu hỏa động.</li> <li>- Cân băng tải.</li> </ul>                                                                                  | 0110        |         |
| 7. | Vũ Bùi Công     | 1986     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân phân tích.</li> <li>- Cân kỹ thuật.</li> <li>- Cân tàu hỏa tĩnh.</li> <li>- Cân tàu hỏa động.</li> <li>- Cân băng tải.</li> <li>- Quả cân cấp chính xác đến F<sub>1</sub>.</li> <li>- Cân ô tô.</li> <li>- Cân bàn.</li> <li>- Cân đĩa.</li> <li>- Cân đồng hồ lò xo.</li> <li>- Cân treo dọc thép lá đề.</li> </ul> | 0111        |         |



| TT  | Họ và tên        | Năm sinh | Lĩnh vực kiểm định                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Số hiệu KĐV | Ghi chú |
|-----|------------------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------|
| 8.  | Đặng Quang Nghĩa | 1985     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân bàn.</li> <li>- Cân đĩa.</li> <li>- Cân đồng hồ lò xo.</li> <li>- Cân treo dọc thép lá đề.</li> <li>- Cân phân tích.</li> <li>- Cân kỹ thuật.</li> <li>- Cân ô tô.</li> <li>- Quả cân cấp chính xác đến F<sub>1</sub>.</li> <li>- Cân tàu hỏa động.</li> <li>- Cân băng tải.</li> </ul> | 0112        |         |
| 9.  | Lý Tiến Dũng     | 1973     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công tơ điện xoay chiều kiểu điện tử.</li> <li>- Biến dòng đo lường.</li> <li>- Biến áp đo lường.</li> </ul>                                                                                                                                                                                | 0113        |         |
| 10. | Nguyễn Thị Hường | 1977     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công tơ điện xoay chiều kiểu cảm ứng.</li> <li>- Biến dòng đo lường.</li> <li>- Biến áp đo lường.</li> <li>- Phương tiện đo điện trở cách điện.</li> <li>- Phương tiện đo điện trở tiếp đất.</li> </ul>                                                                                     | 0114        |         |
| 11. | Nguyễn Xuân Việt | 1981     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công tơ điện xoay chiều kiểu điện tử.</li> <li>- Công tơ điện xoay chiều kiểu cảm ứng.</li> <li>- Biến dòng đo lường.</li> <li>- Biến áp đo lường.</li> <li>- Phương tiện đo điện trở cách điện.</li> <li>- Phương tiện đo điện trở tiếp đất.</li> </ul>                                    | 0115        |         |
| 12. | Phạm Quang Vinh  | 1982     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công tơ điện xoay chiều kiểu điện tử.</li> <li>- Công tơ điện xoay chiều kiểu cảm ứng.</li> <li>- Biến dòng đo lường.</li> <li>- Biến áp đo lường.</li> <li>- Phương tiện đo điện trở cách điện.</li> <li>- Phương tiện đo điện trở tiếp đất.</li> </ul>                                    | 0116        |         |
| 13. | Đỗ Xuân Hà       | 1983     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công tơ điện xoay chiều kiểu điện tử.</li> <li>- Công tơ điện xoay chiều kiểu cảm ứng.</li> <li>- Biến dòng đo lường.</li> <li>- Biến áp đo lường.</li> <li>- Phương tiện đo điện trở cách điện.</li> <li>- Phương tiện đo điện trở tiếp đất.</li> </ul>                                    | 0117        |         |
| 14. | Đinh Thế Thìn    | 1976     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Áp kế lò xo.</li> <li>- Huyết áp kế lò xo.</li> <li>- Huyết áp kế thủy ngân.</li> <li>- Taximet.</li> <li>- Áp kế điện tử.</li> </ul>                                                                                                                                                       | 0118        |         |
| 15. | Lương Văn Hưng   | 1982     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Áp kế lò xo.</li> <li>- Huyết áp kế lò xo.</li> <li>- Huyết áp kế thủy ngân.</li> <li>- Taximet.</li> <li>- Áp kế điện tử.</li> </ul>                                                                                                                                                       | 0119        |         |

| TT  | Họ và tên          | Năm sinh | Lĩnh vực kiểm định                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Số hiệu KĐV | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------|
| 16. | Nguyễn Văn Võ      | 1987     | - Áp kế lò xo.<br>- Huyết áp kế lò xo.<br>- Huyết áp kế thủy ngân.<br>- Taximet.<br>- Áp kế điện tử.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 0120        |         |
| 17. | Lê Văn Luận        | 1968     | - Áp kế lò xo.<br>- Huyết áp kế lò xo.<br>- Huyết áp kế thủy ngân.<br>- Áp kế điện tử.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 0121        |         |
| 18. | Nguyễn Đức Quang   | 1984     | - Áp kế lò xo.<br>- Huyết áp kế lò xo.<br>- Huyết áp kế thủy ngân.<br>- Taximet.<br>- Áp kế điện tử.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 0122        |         |
| 19. | Trần Thị Hồng Thúy | 1970     | - Áp kế lò xo.<br>- Huyết áp kế lò xo.<br>- Huyết áp kế thủy ngân.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0123        |         |
| 20. | Nguyễn Duy Thảo    | 1978     | - Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng.<br>- Phương tiện đo độ ẩm hạt nông sản.<br>- Tỷ trọng kế.<br>- Phương tiện đo pH.<br>- Phương tiện đo độ dẫn điện.<br>- Phương tiện đo độ đục của nước.<br>- Phương tiện đo nồng độ ô xy hòa tan.<br>- Phương tiện đo nồng độ SO <sub>2</sub> , CO, CO <sub>2</sub> , NO <sub>x</sub> trong không khí.<br>- Phương tiện đo tổng chất rắn hòa tan trong nước.                                                                                                               | 0125        |         |
| 21. | Tổng Văn Việt      | 1983     | - Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng.<br>- Nhiệt kế thủy tinh – thủy ngân có cơ cấu cực đại.<br>- Nhiệt kế y học điện tử hiện số có cơ cấu cực đại.<br>- Phương tiện đo độ ẩm hạt nông sản.<br>- Tỷ trọng kế.<br>- Phương tiện đo pH.<br>- Phương tiện đo độ dẫn điện.<br>- Phương tiện đo độ đục của nước.<br>- Phương tiện đo nồng độ ô xy hòa tan.<br>- Phương tiện đo nồng độ SO <sub>2</sub> , CO, CO <sub>2</sub> , NO <sub>x</sub> trong không khí.<br>- Phương tiện đo tổng chất rắn hòa tan trong nước. | 0126        |         |



| TT  | Họ và tên       | Năm sinh | Lĩnh vực kiểm định                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Số hiệu KĐV | Ghi chú                                                                               |
|-----|-----------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 22. | Vũ Trường Tam   | 1985     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng.</li> <li>- Nhiệt kế thủy tinh – thủy ngân có cơ cấu cực đại.</li> <li>- Nhiệt kế y học điện tử hiện số có cơ cấu cực đại.</li> <li>- Phương tiện đo độ ẩm hạt nông sản.</li> <li>- Tỷ trọng kế.</li> <li>- Phương tiện đo pH.</li> <li>- Phương tiện đo độ dẫn điện.</li> <li>- Phương tiện đo độ đục của nước.</li> <li>- Phương tiện đo nồng độ ô xy hòa tan.</li> <li>- Phương tiện đo tổng chất rắn hòa tan trong nước.</li> </ul> | 0127        |                                                                                       |
| 23. | Nguyễn Đức Hiền | 1984     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng.</li> <li>- Phương tiện đo độ ẩm hạt nông sản.</li> <li>- Tỷ trọng kế.</li> <li>- Phương tiện đo pH.</li> <li>- Phương tiện đo độ dẫn điện.</li> <li>- Phương tiện đo độ đục của nước.</li> <li>- Phương tiện đo nồng độ ô xy hòa tan.</li> <li>- Phương tiện đo tổng chất rắn hòa tan trong nước.</li> </ul>                                                                                                                           | 0128        |                                                                                       |
| 24. | Chu Mạnh Quang  | 1979     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cột đo xăng dầu.</li> <li>- Bể đong cố định kiểu trụ đứng.</li> <li>- Bể đong cố định kiểu trụ nằm ngang.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 0129        |                                                                                       |
|     |                 |          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương tiện đo mức xăng dầu tự động.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             | Bổ sung                                                                               |
| 25. | Đặng Bá Vinh    | 1979     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cột đo xăng dầu.</li> <li>- Phương tiện đo dung tích thông dụng.</li> <li>- Bể đong cố định kiểu trụ đứng.</li> <li>- Bể đong cố định kiểu trụ nằm ngang.</li> <li>- Đồng hồ đo nước lạnh cơ khí.</li> <li>- Đồng hồ đo nước lạnh có cơ cấu điện tử.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                      | 0130        |                                                                                       |
|     |                 |          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương tiện đo mức xăng dầu tự động.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             | Bổ sung                                                                               |
| 26. | Nguyễn Văn Phúc | 1980     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cột đo xăng dầu.</li> <li>- Phương tiện đo dung tích thông dụng.</li> <li>- Bể đong cố định kiểu trụ đứng.</li> <li>- Bể đong cố định kiểu trụ nằm ngang.</li> <li>- Đồng hồ đo nước lạnh cơ khí.</li> <li>- Đồng hồ đo nước lạnh có cơ cấu điện tử.</li> <li>- Phương tiện đo mức xăng dầu tự động.</li> </ul>                                                                                                                                                      | 0131        |  |

| TT  | Họ và tên         | Năm sinh | Lĩnh vực kiểm định                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Số hiệu KĐV | Ghi chú |
|-----|-------------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------|
| 27. | Phạm Anh Đức      | 1985     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cột đo xăng dầu.</li> <li>- Phương tiện đo dung tích thông dụng.</li> <li>- Bể đóng cố định kiểu trụ đứng.</li> <li>- Bể đóng cố định kiểu trụ nằm ngang.</li> <li>- Đồng hồ đo nước lạnh cơ khí.</li> <li>- Đồng hồ đo nước lạnh có cơ cấu điện tử.</li> </ul>                                                                   | 0132        |         |
| 28. | Hoàng Trọng Văn   | 1987     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biến dòng đo lường.</li> <li>- Biến áp đo lường.</li> <li>- Phương tiện đo điện trở cách điện.</li> <li>- Phương tiện đo điện trở tiếp đất.</li> <li>- Công tơ điện xoay chiều kiểu điện tử.</li> <li>- Công tơ điện xoay chiều kiểu cảm ứng.</li> </ul>                                                                          | 2702        |         |
| 29. | Dương Văn Tâm     | 1986     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công tơ điện xoay chiều kiểu điện tử.</li> <li>- Công tơ điện xoay chiều kiểu cảm ứng.</li> <li>- Biến dòng đo lường.</li> <li>- Biến áp đo lường.</li> <li>- Phương tiện đo điện trở cách điện.</li> <li>- Phương tiện đo điện trở tiếp đất.</li> </ul>                                                                          | 2703        |         |
| 30. | Phạm Hoài Nam     | 1982     | - Áp kế điện tử.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3309        |         |
| 31. | Đổng Văn Mạc      | 1973     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Áp kế lò xo.</li> <li>- Huyết áp kế lò xo.</li> <li>- Huyết áp kế thủy ngân.</li> <li>- Taximet.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                       | 3774        |         |
| 32. | Nguyễn Mạnh Cường | 1992     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương tiện đo pH.</li> <li>- Phương tiện đo độ dẫn điện.</li> <li>- Phương tiện đo độ đục của nước.</li> <li>- Phương tiện đo nồng độ ô xy hòa tan.</li> <li>- Phương tiện đo nồng độ SO<sub>2</sub>, CO, CO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub> trong không khí.</li> <li>- Phương tiện đo tổng chất rắn hòa tan trong nước.</li> </ul> | 3775        |         |
| 33. | Nguyễn Việt Quang | 1991     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cột đo xăng dầu.</li> <li>- Phương tiện đo dung tích thông dụng.</li> <li>- Bể đóng cố định kiểu trụ đứng.</li> <li>- Bể đóng cố định kiểu trụ nằm ngang.</li> <li>- Đồng hồ đo nước lạnh cơ khí.</li> <li>- Đồng hồ đo nước lạnh có cơ cấu điện tử.</li> </ul>                                                                   | 4319        |         |